TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/DS-ST
Ngày: 21/02/2020.
V/v: Tranh chấp hợp đồng
Vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Hiệp.

2. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Xuân Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Dịu Thùy.

Trong ngày 21/02/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6 xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 127/2019/TLST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 586/2019/QĐXXST-DS ngày 31/12/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-HPT ngày 21/01/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V

Địa chỉ: Tầng 2, số 296 đường X, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T, Chức vụ: Phó Giám Đốc khối pháp chế và kiểm soát tuân thủ.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Đinh Văn P1**,** Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ.

Địa chỉ: Tầng 1, số 96 đường C, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm: 1968

Địa chỉ: 240/35/10 đường L, Phường M, Quận S, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Ông Đinh Văn P1 có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Văn P vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 02/01/2019; các Bản tự khai và Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 31/12/2019, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Đinh Văn P1 trình bày:

Ngày 11/8/2015, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (gọi tắt là V) Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với ông Nguyễn Văn P tiến hành ký hợp đồng tín dụng HCM/15/2212/HĐTD, giải ngân theo khế ước nhận nợ số 01/HCM/15/2212/HĐTD ký cùng ngày. Nội dung hợp đồng:

Ngân hàng Thương mại cổ phần V cho ông Nguyễn Văn P vay số tiền 399.000.000 đồng; Mục đích vay: mua xe ô tô hiệu VEAM số loại TV260, mới 100%. Thời hạn vay: 60 tháng; Lãi suất: 7.99%/năm, cố định trong 12 tháng đầu tiên, sau đó lãi suất sẽ được điều chỉnh 03 tháng/01 lần. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là quyền sở hữu 01 ô tô tải (có mui) 03 chỗ ngồi, nhãn hiệu VEAM, số loại VT 260, số khung RN1D1B1B1FLM01790, số máy D4BHF806239, biển số 51C-622.08 do ông Nguyễn Văn P đăng ký chủ sở hữu. Hợp đồng thế chấp số HCM/15/2212/HĐTCSP ký kết ngày 11/8/2015 đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 12/5/2017 thì ông Nguyễn Văn P đã trả cho V tổng cộng là 197,693,105 đồng, trong đó trả gốc là 139,728,001 đồng và trả lãi là 57,965,104 đồng.

Tuy nhiên, từ ngày 12/5/2017 đến nay, ông Nguyễn Văn P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận nên V đã chuyển nợ quá hạn theo Điều 7 của Hợp đồng tín dụng. V đã nhiều lần nhắc nợ yêu cầu ông P thực hiện đúng hợp đồng nhưng ông Nguyễn Văn P vẫn không thực hiện.

Căn cứ vào Điều 6 Hợp đồng tín dụng về "Thu hồi nợ trước hạn" Ngân hàng đã gửi Thông báo thu hồi nợ trước hạn cho ông Nguyễn Văn P, nhưng ông P không thực hiện theo thông báo.

Tạm tính đến ngày 21/02/2020, ông Nguyễn Văn P còn nợ V số tiền là 378.751.436 đồng (trong đó nợ gốc là 259.271.999 đồng, nợ lãi quá hạn tính theo lãi suất 150% lãi suất trong hạn áp dụng theo từng thời điểm phát sinh nợ quá hạn là 119.479.437 đồng).

Do đó, V yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 6 buộc ông Nguyễn Văn P trả ngay một lần cho V số nợ gốc và nợ lãi là 378.751.436 đồng (tạm tính đến hết

ngày 21/02/2020) do ông P vi phạm hợp đồng vay. Ngoài ra, ông P còn phải chịu lãi quá hạn do việc chậm thi hành án cho đến khi trả xong số nợ gốc còn lại theo Hợp đồng tín dụng số HCM/15/2212/HĐTD ký ngày 11/8/2015.

Trường hợp ông P không thanh toán số tiền nêu trên cho V, yêu cầu Tòa án tuyên V được quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ vay đối với 01 xe ô tô tải (có mui) 03 chỗ ngồi, nhãn hiệu VEAM, số loại VT260, số khung RN1D1B1B1FLM01790, số máy D4BHF806239, biển số 51C-622.08 do ông P làm chủ sở hữu theo hợp đồng thế chấp đã ký kết nêu trên.

** Bị đơn là ông Nguyễn Văn P: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông P đã được Tòa án tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định nhưng ông P đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.*

** Tại phiên tòa:*

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Đinh Văn P1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt

Bị đơn là ông Nguyễn Văn P đã được Tòa án tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến:

-Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án, giải quyết và tại các phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và thư ký đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật;

-Về nội dung: Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng thế chấp tài sản giữa V và bị đơn được ký kết bằng văn bản, được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án đầy đủ các chứng cứ chứng minh số tiền giải ngân cho bị đơn và sao kê tài khoản, lịch sử thanh toán của bị đơn đối với số tiền đã thanh toán cho nguyên đơn nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Do đó, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Hội đồng xét xử nhận định:

[Về tố tụng:

- Thẩm quyền loại việc:

Ông Nguyễn Văn P ký kết hợp đồng vay tiền để mua phương tiện sử dụng cá nhân. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thẩm quyền theo lãnh thổ:

Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường 11, Quận 6 về đương sự Nguyễn Văn P như sau: "Ông Nguyễn Văn P có hộ khẩu thường trú tại 40/35/10

đường L, Phường M, Quận S, Thành Phố Hồ Chí Minh, nhưng hiện không cư ngụ tại địa chỉ nêu trên, không rõ nơi cư trú mới".

Theo hợp đồng vay và đơn khởi kiện do V xác định ông Nguyễn Văn P có nơi cư trú tại Quận 6 nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6.

- Thời hiệu khởi kiện vụ án:

Thời hiệu khởi kiện đối với hợp đồng dân sự được xác định là 03 năm kể từ ngày quyền và lợi ích bị xâm phạm theo quy định tại Điều 429, Điều 688 Bộ luật dân sự 2015.

Hợp đồng tín dụng ký kết ngày 11/8/2015, thời hạn vay 60 tháng, tức là đến 11/8/2019. Ngày 12/5/2017, bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên tính đến thời điểm nguyên đơn nộp đơn khởi kiện ngày 18/3/2019 là còn trong thời hiệu khởi kiện.

- Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn P1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn P vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết. Tòa án đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông P, nhưng ông P vẫn không có mặt cũng như không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì để giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án nhân dân Quận 6 tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.]

[Về nội dung:

Theo tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn là V cung cấp thể hiện: Ngày 11/8/2015, ông Nguyễn Văn P ký kết với V Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh các văn bản: Giấy đề nghị vay vốn; Hợp đồng tín dụng HCM/15/2212/HĐTD, Khế ước nhận nợ số 01/HCM/15/2212/HĐTD; Đề nghị giải ngân; Hợp đồng thế chấp xe ô tô số HCM/15/2212/HĐTCSP (đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định ngày 12/8/2015). Trên cơ sở đó, ngày 12/8/2015 V đã đồng ý giải ngân cho ông Nguyễn Văn P số tiền 399.000.000 đồng, với hình thức chuyển khoản (có thông báo giải ngân cho ông P ngày 12/8/2015).

Lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và phương thức xử lý tài sản thế chấp được quy định trong Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, từ ngày 12/8/2015 đến ngày 11/5/2017 ông Nguyễn Văn P đã thực hiện đúng thỏa thuận và đã thanh toán cho V với tổng số tiền cả gốc và lãi là 197.693.105 đồng, trong đó: tiền gốc là 139.728.001 đồng và tiền lãi là 57.965.104 đồng.

Từ ngày 12/5/2017, ông P không thanh toán nợ cho V theo thỏa thuận, nên V đã chuyển số nợ của ông P còn thiếu là 259.271.999 đồng sang nợ quá hạn.

Sau đó, theo bản sao kê lịch sử thanh toán nợ của ông P thì ngày 27/6/2017, ông P có thanh toán cho V số tiền 4.032.441 đồng và ngày 28/6/2017 thanh toán số tiền 2.695.560 đồng. Do số tiền gốc đã chuyển sang nợ quá hạn nên số tiền này được khấu trừ vào tiền lãi quá hạn.

Tính đến ngày xét xử (21/02/2020), ông Nguyễn Văn P còn nợ V các khoản sau:

- Vốn gốc: 259.271.999 đồng;

- Nợ lãi quá hạn tính bằng lãi suất 150% lãi suất trong hạn áp dụng theo từng thời điểm phát sinh nợ quá hạn (lãi suất trong hạn kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn giao động từ 11,50%/năm đến 11.75%), tính được là 119.479.437 đồng (có bản tính lãi cụ thể).

Tổng cộng: 378.751.436 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc ông Nguyễn Văn P vi phạm cam kết trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với V nên V yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn P phải thanh toán toàn bộ khoản nợ: 378.751.436 đồng như đã tính chi tiết ở phần trên (tạm tính đến hết ngày 21/02/2020) và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn cho đến khi thực trả xong khoản nợ là có cơ sở chấp nhận.

Kể từ ngày 22/02/2020, ông Nguyễn Văn P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số HCM/15/2212/HĐTD ký kết ngày 11/8/2015 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trong trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay. (*Theo nội dung án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao*).

Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên thì ông Nguyễn Văn P đã thế chấp cho V quyền sở hữu 01 ô tô tải (có mui) 03 chỗ ngồi, nhãn hiệu VEAM, số loại VT260, số khung RN1D1B1B1FLM01790, số máy D4BHF806239, biển số 51C-622.08 do ông Nguyễn Văn P đăng ký chủ sở hữu. Hợp đồng thế chấp số HCM/15/2212/HĐTCSP ký kết ngày 11/8/2015 đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định. Sau khi thế chấp thì V chỉ giữ bản gốc của giấy tờ đăng ký xe, còn xe giao cho ông Nguyễn Văn P quản lý, sử dụng và ông P có nghĩa vụ phải bảo quản tài sản thế chấp cho V.

Xét, Hợp đồng thế chấp số HCM/15/2212/HĐTCSP ký kết ngày

11/8/2015 giữa ông Nguyễn Văn P và V đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định là hợp pháp.

Theo thỏa thuận của các bên tại khoản 1 Điều 7 Hợp đồng thế chấp ghi nhận: Bên Ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ ngay khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a. Bên thế chấp không thực hiện hoặc thực không đúng nghĩa vụ trả nợ theo các văn kiện tín dụng đã ký với bên Ngân hàng.

….

c. Bên thế chấp vi phạm bất kỳ cam kết, nghĩa vụ nào quy định tại hợp đồng này và các văn kiện tín dụng đã ký với bên Ngân hàng

….

Phương thức xử lý tài sản thế chấp đã được thỏa thuận tại Điều 8 của hợp đồng.

Như vậy, trường hợp ông Nguyễn Văn P không thanh toán số tiền nợ nêu trên cho V, thì V được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ vay đối với 01 xe ô tô tải (có mui) 03 chỗ ngồi, nhãn hiệu VEAM, số loại VT260, số khung RN1D1B1B1FLM01790, số máy D4BHF806239, biển số 51C-622.08 do ông P làm chủ sở hữu theo hợp đồng thế chấp đã ký kết nêu trên.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn P có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 18.937.572 đồng, theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 150, Điều 184, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 429, Điều 688 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2014;

- Căn cứ án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V đối với ông Nguyễn Văn P về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản". Cụ thể:

1/ Buộc ông Nguyễn Văn P phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số nợ gốc là: 259.271.999 đồng, nợ lãi quá hạn (tạm tính đến ngày 21/02/2020) là 119.479.437. Tổng cộng: 378.751.436 đồng.

Kể từ ngày 22/02/2020, ông Nguyễn Văn P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số HCM/15/2212/HĐTD ký kết ngày 11/8/2015 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trong trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2/ Trường hợp ông Nguyễn Văn P không thanh toán số tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần V được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp đối với 01 xe ô tô tải (có mui) 03 chỗ ngồi, nhãn hiệu VEAM, số loại VT260, số khung RN1D1B1B1FLM01790, số máy D4BHF806239, biển số 51C-622.08 do ông P làm chủ sở hữu theo hợp đồng thế chấp đã ký kết để thu hồi nợ vay.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 18.937.572 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền tạm ứng án phí 7.922.306 đồng theo biên lai thu số 0011010 ngày 02/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (1);
-Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 (2);
-Chi Cục Thi hành án dân sự Quận 6 (1);
-Các đương sự (8);
-Lưu VP (3), HSVA (2);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA